

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các danh mục ngành nông nghiệp
và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-BCT ngày 28/01/2019 của Bộ Công thương ban hành Danh mục cơ khí chế tạo, linh kiện, máy nông nghiệp và sản phẩm phụ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được hỗ trợ đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 190/TTr-SNN ngày 08/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 03 danh mục ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, gồm:

- Danh mục số 01: Sản phẩm đặc sản lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Ninh Bình;
- Danh mục số 02: Máy móc, thiết bị sản xuất nông nghiệp, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản tỉnh Ninh Bình;

- Danh mục số 03: Giống lúa mới, tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT, VP2,3,5..

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Song Tùng

DANH MỤC SỐ 01
SẢN PHẨM ĐẶC SẢN LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH

TT	Tên sản phẩm	Địa phương	Ghi chú
I	Lĩnh vực trồng trọt		
1	Đào phai Tam Điệp	TP. Tam Điệp	
2	Chè Trại Quang Sỏi	TP. Tam Điệp	
3	Khoai sọ Yên Quang	Nho Quan	
4	Na	Nho Quan TP. Tam Điệp Gia Viễn	
5	Hoa cắt (hoa cúc, hồng, huệ, lay ơn,...)	TP. Ninh Bình Gia Viễn	
6	Hoa cao cấp (Lan, ly,...)	TP. Ninh Bình Hoa Lư	
7	Nấm ăn	Yên Khánh Yên Mô	
8	Nấm dược liệu	Yên Khánh Yên Mô Nho Quan	
9	Cúc dược liệu (cúc chi, sơn kim cúc,...)	Các huyện, thành phố	
10	Trạch tả	Yên Khánh Kim Sơn	
11	Sen	Hoa Lư TP. Tam Điệp Nho Quan	
II.	Lĩnh vực Chăn nuôi		
1	Lợn địa phương (lợn mường, lợn mán, lợn rừng lai, lợn Táp Ná)	Nho Quan Gia Viễn TP. Tam Điệp	
2	Gà Cúc Phương (giống gà ri, ri lai)	Nho Quan	giống gà ri, ri lai nuôi tại xã Cúc Phương, huyện Nho Quan
3	Hươu lấy nhung	Nho Quan Gia Viễn TP. Tam Điệp	
4	Vịt trời	Các huyện, thành phố	

TT	Tên sản phẩm	Địa phương	Ghi chú
5	Vịt biển	Kim Sơn	
6	Nai	Nho Quan Gia Viễn TP. Tam Điệp	
III	Lĩnh vực thủy sản		
1	Cá trắm đen	Gia Viễn Nho Quan	
2	Cá chuối hoa	Nho Quan Gia Viễn Tam Điệp	
3	Ốc nhồi	Các huyện, thành phố	
4	Cá rô tổng trường	Hoa Lư	
5	Cá tràu tiên vua	Hoa Lư	
6	Ếch	Các huyện, thành phố	
7	Ngao giống, Hàu giống	Kim Sơn	
8	Cá vược	Kim Sơn	
9	Chạch chấu, chạch sụn	Yên Khánh Yên Mô	
10	Cua xanh	Kim Sơn	
11	Trai nuôi lấy ngọc	Yên Khánh	
IV	Lĩnh vực lâm nghiệp		
1	Bùi kỳ lão	Nho Quan	
2	Trà hoa vàng	Nho Quan	
3	Mật ong rừng	Nho Quan Gia Viễn, Tam Điệp	
4	Mật vẹt	Kim Sơn	

DANH MỤC SỐ 02**MÁY, THIẾT BỊ PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN TỈNH NINH BÌNH NĂM 2022****I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

1. Máy cấy lúa;
2. Máy bay không người lái phun thuốc bảo vệ thực vật;
3. Máy cuộn rom;
4. Máy gieo mạ khay (phục vụ cấy bằng máy);
5. Máy sấy;
6. Máy xúc, lật, trộn;
7. Máy ép (máy ép củi trấu, mùn cưa; máy ép dầu cám);
8. Máy đóng bịch nấm;
9. Máy thu hoạch củ, quả;
10. Máy cắt, thu hoạch cỏ dùng trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản;
11. Máy triết rót.

II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Máy ép tách phân gia súc (để xử lý chất thải chăn nuôi);
2. Máy thái, băm cỏ đa năng;
3. Máy nghiền thức ăn chăn nuôi;
4. Máy trộn thức ăn chăn nuôi.

III. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Các loại máy, thiết bị thực hiện các hoạt động sản xuất con giống, chế biến thức ăn bổ sung; thiết bị sử dụng năng lượng điện công nghệ mới; tủ bảo quản, thiết bị làm lạnh, thiết bị hấp khử trùng;

2. Các loại máy, thiết bị thực hiện các hoạt động nuôi trồng, thu hoạch, bảo quản, đánh bắt trên tàu cá: Hệ thống quạt nước, hệ thống cấp ô xy đáy dùng trong nuôi trồng thủy sản; máy, thiết bị chế biến thức ăn; máy cho cá ăn; máy hút, chuyển cá; máy dò cá.

IV. DÂY CHUYỀN MÁY, THIẾT BỊ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN

1. Dây chuyền máy, thiết bị đồng bộ trong sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản: Hệ thống/máy sấy nông sản; máy đóng túi đựng nông sản, sản phẩm qua chế biến; Hệ thống máy, thiết bị xay xát lúa gạo;

2. Dây chuyền máy, thiết bị đồng bộ từ sản xuất con giống, thức ăn chăn nuôi, trang trại, bảo quản sản phẩm trong chăn nuôi; dây chuyền máy, thiết bị giết mổ tập trung, sơ chế sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật, gồm: máy, thiết bị làm lạnh, cấp đông, tái đông.

3. Máy hạ thủy phân mật ong.

4. Kho, silo (bao gồm cả máy móc, thiết bị) tạm trữ, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

DANH MỤC SỐ 03
GIỐNG LÚA MỚI, TIẾN BỘ KỸ THUẬT MỚI TRONG SẢN XUẤT LÚA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH NĂM 2022

I. DANH MỤC GIỐNG LÚA MỚI

TT	Tên giống lúa	Quyết định công nhận/ Quyết định lưu hành	Công ty sản xuất
1	Nếp hạt cau	Giống cổ truyền địa phương	Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp Hồng Quang
2	Hương Bình	125/QĐ-TT-CLT ngày 19/6/2020	
3	Nếp Hương	100/QĐ-TT-CLT ngày 27/5/2020	
4	TBR 89	108/QĐ-TT-CLT ngày 29/5/2020	Công ty cổ phần tập đoàn ThaibinhSeed
5	Bắc Thơm số 7 (có gen kháng bạc lá)	330/QĐ-TT-CLT ngày 10/10/2019	
6	TBR225 (có gen kháng bạc lá)	202/QĐ-TT-CLT ngày 09/6/2015	
7	VNR20	178/QĐ-TT-CLT ngày 03/9/2020	Công ty cổ phần tập đoàn giống cây trồng Việt Nam
8	Đài Thơm 8	1608/QĐ-TT-CLT ngày 10/5/2019	
9	LT2 (có gen kháng bạc lá)	356/QĐ-TT-CLT ngày 28/10/2019	Công ty cổ phần giống cây trồng Nam Định
10	ADI 28	950/QĐ-TT-CLT ngày 16/3/2018	Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại và Phát triển nông nghiệp ADI
11	HANA số 7	164/QĐ-TT-CLT ngày 18/8/2020	
12	ND502	69/QĐ-TT-CLT ngày 10/4/2020	Công ty TNHH Nam Dương

II. DANH MỤC TIỀN BỘ KỸ THUẬT MỚI TRONG SẢN XUẤT LÚA

1. Về phân bón

TT	Tên phân bón	Quyết định công nhận/ Quyết định lưu hành	Công ty sản xuất
1	Quế Lâm 01	707/QĐ-BVTV-PB ngày 27/6/2018	Công ty cổ phần tập đoàn Quế Lâm
2	Quế Lâm SH01	2933/QĐ-BVTV-PB ngày 9/3/2020	
3	Quế Lâm SH05	2933/QĐ-BVTV-PB ngày 9/3/2020	
4	Phân lân nung chảy Ninh Bình	3059/QĐ-BVTV-PB ngày 7/12/2017	Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình
5	BEST GAP	3234/QĐ-BVTV-PB ngày 09/9/2020	Công ty cổ phần GAP Việt Nam
6	ORG GAP		
7	ONE GAP		

2. Thuốc bảo vệ thực vật

TT	Tên thuốc BVTV	Thông tư ban hành	Công ty sản xuất
1	V.K 16 WP	Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2021 về Ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam	Công ty CP BVTV I TW
2	Prevathon 5SC		Công ty TNHH FMC Việt Nam
3	Vimatrine 0.6SL		Công ty CP thuốc sát trùng Việt Nam
4	Sakumec 0.5EC		Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
5	Sokupi 0.5SL		Công ty TNHH Trường Thịnh
6	Lilacter 0.3SL		Công ty TNHH VTNN Phương Đông

3. Về chế phẩm sinh học, vi sinh

TT	Tên chế phẩm	Công ty sản xuất
1	Chế phẩm sinh học (Chế phẩm vi sinh SUMITRI)	Công ty TNHH Phát triển nông nghiệp Phương Nam
2	Chế phẩm sinh học (Phân huỷ gốc rạ)	Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ Cao